**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN K**
**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày 17-01-2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Khúc Trọng Quang

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Đặng Thị Đôi

Bà Khúc Thị Minh

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà*:** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Minh Đ, sinh ngày 27 tháng 11 năm 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Công nhân Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ vận tải ĐA; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T3, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1971; tiền án: Bản án số 79/2020/HSST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Lê Minh Đ 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (*chưa xóa án tích*); tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/10/2022, chuyển tạm giam từ ngày 29/10/2022, có mặt.

2. Vũ Văn P, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1996; đăng ký hộ khẩu thường trú; Khu 1, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Công nhân Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ vận tải ĐA; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn P2 (đã chết) và bà Lê Thị T4, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị

tạm giữ từ ngày 23/10/2022 đến ngày 29/10/2022 chuyển tạm giam, đến ngày 17/11/2022 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, có mặt.

3. Chu Hoài N, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1991; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu X, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Trường T5, sinh năm 1971 và bà Vũ Thị H3, sinh năm 1973; có vợ là Vũ Thị M2, sinh năm 1991; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 29/10/2022 đến ngày 07/11/2022 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

*Bị hại:*

- Anh Lương Văn S, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn P2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Anh Đỗ Văn V, sinh năm 1988; địa chỉ: TDP V, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Anh Bùi Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 201 TDP V1, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Bà Vũ Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn P1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

- Anh Trần Thế N1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Tiên Trà, xã Trung Nghĩa, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua rà soát hệ thống camera an ninh trên địa bàn, ngày 22/10/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K triệu tập Lê Minh Đ, Vũ Văn P lên làm việc liên quan đến vụ trộm cắp tài sản ngày 21/10/2022 tại thôn P1, xã Đ, huyện K. Quá trình

làm việc, các bị cáo khai nhận trong khoảng thời gian từ ngày 07/9/2022 đến ngày 21/10/2022, các bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm cắp xe môtô, cụ thể:

**Vụ thứ N1:** Khoảng 22 giờ ngày 07/9/2022, P điều khiển xe mô tô chở Đ đến khu vực thôn Đ Phong, xã Đ, huyện K, cả hai thấy 01 xe mô tô Sirius màu đen BKS 16N5-1712 do anh Lương Văn S, sinh năm 2000, trú tại thôn P2, xã Đ, huyện K (anh S mượn xe của chị Phạm Thị H, sinh năm 1983, trú tại thôn P1, xã Đ, huyện K) dựng trong sân, cổng mở, xung quanh không có người trông coi. Đ nói lấy xe, P đồng ý và dừng xe, Đ đi vào thấy xe vẫn đang cắm chìa khóa liền điều khiển xe mô tô BKS 16N5-1712 về phòng trọ tại TDP P, phường H, quận D cất giấu. Sau khi trộm cắp được xe, Đ liên lạc với Chu Hoài N, nói cho N biết Đ trộm cắp được 01 xe Sirius, muốn bán. N đồng ý mua, hẹn ngày hôm sau Đ điều khiển xe mô tô về B. Ngày 08/9/2022, khi gặp nhau, N trả giá 3.000.000 đồng; đưa trước 1.400.000 đồng và nợ số tiền còn lại. Sau khi mua xe mô tô BKS 16N5-1712, do biết xe là tài sản trộm cắp mà có và lo sợ bị phát hiện nên N đã bán lại với giá rẻ hơn cho anh Trần Thế N1, sinh năm 1983, trú tại thôn T1, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh với giá 2.700.000 đồng. Ngày 10/9/2022, anh N1 tiếp tục bán xe trên cho anh Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1979, trú tại P, phường T, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh với giá 3.000.000 đồng. Số tiền có được, Đ đã ăn tiêu và đưa cho P 1.200.000 đồng, P đã chi tiêu cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 02/11/2022 của Hội đồng định giá huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius, BKS 16N5-1712, trị giá 7.000.000 đồng.

**Vụ thứ hai:** Khoảng 20 giờ ngày 23/9/2022, P điều khiển xe mô tô chở Đ đến khu vực nhà anh Đỗ Văn V, sinh năm 1988, tại TDP V, phường H, quận D, cả hai thấy 01 xe mô tô Sirius màu vàng đen BKS 15F1-033.86 do anh Văn dựng ở lề đường, trước cửa nhà. P dừng xe để Đ đi bộ đến xe mô tô BKS 15F1-033.86, thấy xe vẫn cắm chìa khóa. Đ điều khiển xe mô tô BKS 15F1-033.86 về phòng trọ cất giấu. Sáng ngày hôm sau, Đ điều khiển xe mô tô về tỉnh Bắc Ninh, bán cho một người đàn ông không quen biết giá 2.800.000 đồng, Đ chia cho P 1.000.000 đồng, số tiền còn lại Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2022 của Hội đồng định giá huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius, màu đen vàng, biển số 15F1-033.86, trị giá 7.500.000 đồng.

**Vụ thứ ba:** Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/10/2022, P điều khiển xe mô tô chở Đ đến khu vực nhà anh Bùi Văn L, sinh năm 1989, tại số nhà 201 TDP V1, phường Đ, quận D. Đ thấy 01 xe Sirius BKS 89H9-4993 dựng ở khu vực sân, cổng mở, xe vẫn đang cắm chìa khóa. P dừng xe, Đ đi bộ vào thấy không có người. Chìa khóa cắm ở ổ khóa, Đ dắt xe mô tô ra đường, rồi điều khiển xe mô tô BKS 89H9-4993 về phòng trọ cất giấu. Tối ngày hôm sau, Đ điều khiển xe mô tô

trên về tỉnh Bắc Ninh, bán cho một người đàn ông không quen biết giá 2.200.000 đồng, Đ chia cho P 1.000.000 đồng, số tiền còn lại Đ giữ, cả hai đã chi tiêu cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2022 của Hội đồng định giá huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius, màu đen bạc, biển số 89H9-4993, trị giá 4.800.000 đồng.

**Vụ thứ tư:** Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 21/10/2022, Đ điều khiển xe mô tô chở P đi qua cửa hàng điện thoại di động "Tân T Mobile" tại thôn P1, xã Đ, huyện K, cả hai thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 15F1-297.32 do bà Vũ Thị B, sinh năm 1975, trú tại thôn Đ1, xã Đ, huyện K, dựng ở cửa quán không có người trông coi, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa nên Đ dừng xe lại, để P điều khiển xe mô tô BKS 99L4-8424 về. Đ đi bộ đến xe mô tô BKS 15F1-297.32, điều khiển xe mô tô BKS 15F1-297.32 về phòng trọ cất giấu. Trên đường về phòng trọ, Đ tháo BKS 15F1-297.32 để trong cốp xe. Ngày 22/10/2022, anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998, trú tại thôn Đ1, xã Đ, huyện K (là con trai bà Vũ Thị B) có đơn trình báo vụ việc trên.

Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2022 của Hội đồng định giá huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu trắng đen bạc, BKS 15F1-297.32, trị giá 13.500.000 đồng.

Ngày 22/10/2022, Cơ quan điều tra thu giữ của Lê Minh Đ: 01 xe mô tô Wave BKS 99L4-8424; 01 đăng ký xe BKS 99L4-8424 mang tên Nguyễn Văn Thắng; 01 xe mô tô Honda Wave màu trắng đen không có biển kiểm soát, thu trong cốp xe 01 BKS 15F1-297.32.

Ngày 23/10/2022, Công an xã Đ thu giữ 01 USB, lưu trữ 01 đoạn video trích xuất từ camera an ninh do Công an xã Đ quản lý và 01 USB, lưu trữ 01 đoạn video do anh Nguyễn Văn T sao lưu từ camera an ninh của gia đình, ghi nhận hành vi lấy xe mô tô ngày 21/10/2022.

Ngày 26/10/2022, chị Phạm Thị Vân A (bạn của Vũ Văn P) tự nguyện giao nộp: 01 áo khoác nỉ dài tay màu trắng đen (áo của P cho Đ mượn mặc khi lấy xe ngày 21/10/2022).

Ngày 28/10/2022, Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà anh Nguyễn Hữu H1: 01 xe mô tô Sirius màu đen bạc BKS 16N5-1712; 01 Đăng ký xe mô tô BKS 16N5-1712 mang tên Nguyễn Văn Khuể.

Đối với xe Sirius màu đen bạc BKS 89H9-4993 và xe Sirius màu đen vàng BKS 15F1-033.86, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSKT ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Chu

Hoài N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với 01 xe mô tô Honda Wave màu trắng đen không có biển kiểm soát và 01 BKS 15F1-297.32, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 xe mô tô Sirius màu đen bạc BKS 16N5-1712; 01 Đăng ký xe mô tô BKS 16N5-1712 mang tên Nguyễn Văn Khuể, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phạm Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 xe mô tô Wave BKS 99L4-8424; 01 Giấy đăng ký xe BKS 99L4-8424 mang tên Nguyễn Văn Thắng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1971, trú tại Khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (mẹ của Đ) là chủ sở hữu hợp pháp

Đối với hành vi của Trần Thế N1, Nguyễn Hữu H1 mua bán xe mô tô BKS 16N5-1712 của các bị cáo nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị S1 cho Lê Minh Đ sử dụng xe mô tô BKS 99L4-8424 nhưng không biết Đ sử dụng để trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị H đã nhận lại xe, anh Nguyễn Hữu H1 đã nhận lại số tiền mua xe do Chu Hoài N cùng Trần Thế N1 bồi thường và không có yêu cầu gì thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đối với các bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P, Chu Hoài N và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh Đ từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù;

+ Khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn P từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù, trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2022 đến ngày 17/11/2022;

Phạt bổ sung các bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng – 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

+ Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Hoài N từ 12 tháng cải tạo không giam giữ đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo thời hạn đã bị tạm giữ từ ngày 29/10/2022 đến ngày 07/11/2022 vào thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ;

khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 5% - 10% trong thời gian cải tạo không giam giữ; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Bị hại là anh Lương Văn S, bà Vũ Thị B đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu đề nghị nào khác; anh Đỗ Văn V đã nhận 5.000.000 đồng tiền bồi thường, anh Bùi Văn L đã nhận 4.000.000 đồng tiền bồi thường, anh Văn và anh L không có yêu cầu, đề nghị nào khác nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng là 01 áo khoác nỉ dài tay màu trắng đen của bị cáo P.

- Ý kiến của các bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P, Chu Hoài N: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với các bị cáo:

- Đối với tội "Trộm cắp tài sản": Tại phiên tòa các bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được, biên bản xác định hiện trường, bản kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 07/9/2022 đến ngày 21/10/2022 các bị cáo Lê Minh Đ và Vũ Văn P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô Sirius màu đen bạc BKS 16 N5-1712, trị giá 7.000.000 đồng của anh Lương Văn S; 01 xe mô tô Sirius màu vàng đen BKS 15 F1 - 033.86 của anh Đỗ Văn V, trị giá 7.500.000 đồng; 01 xe Sirius BKS 89 H9 - 4993 của anh Bùi Văn L, trị giá 4.800.000 đồng; 01 xe mô tô Wave BKS 15 F1 - 297.32 của bà Vũ Thị B, trị giá 13.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản các

bị cáo chiếm đoạt là 32.800.000 đồng. Các bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy hành vi của các bị cáo Đ, P phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Đối với tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có": Tại phiên tòa bị cáo Chu Hoài N khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 08/9/2022, Chu Hoài N biết rõ xe mô tô Sirius màu đen bạc BKS 16N5-1712 do Lê Minh Đ trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn mua xe của Đ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự như đại diện Viện kiểm sát kết luận tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản vào các ngày 07/9/2022, 23/9/2022, 02/10/2022 và ngày 21/10/2022 trong đó mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên hành vi phạm tội của các bị cáo Đ, P phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đồng thời nhân thân bị cáo Lê Minh Đ có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích, do vậy bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Hành vi phạm tội của bị cáo Chu Hoài N không vi phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Đối với tội "Trộm cắp tài sản": Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P đều khai báo tỏ ra thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho cả hai bị cáo. Các bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P đã tự khai ra hành vi phạm tội vào các ngày 07/9/2022, 23/9/2022, 02/10/2022, đồng thời đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại là anh Đỗ Văn V và anh Bùi Văn L, các bị hại không còn ý kiến, đề nghị nào khác đồng thời có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ, P. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r khoản 1, khoản 2 Điều

51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho cả hai bị cáo Đ, P. Ngoài ra bị cáo Vũ Văn P có ông ngoại được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng N1 nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Đối với tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có": Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Chu Hoài N khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo khi lượng hình. Ngoài ra bị cáo Chu Hoài N có bà nội được tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp văn hóa thông tin nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần xét xử nghiêm.

- Đối với tội "Trộm cắp tài sản": Đây là vụ án có đồng phạm, do vậy cần phải phân hoá vai trò đối với từng bị cáo để có mức án công bằng, tương xứng với hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo. Trong vụ án này bị cáo Đ phạm tội với vai trò là người đề xuất đồng thời là người thực hành tích cực, trực tiếp chiếm đoạt tài sản, đi tiêu thụ tài sản trộm cắp được và cùng ăn chia số tiền bán tài sản. Do đó bị cáo Đ có vai trò cao hơn so với bị cáo P, mặt khác nhân thân bị cáo Đ có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo không có ý thức cải tạo, tu dưỡng để trở thành người công dân lương thiện nên cần xử bị cáo mức án cao trong khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo P phạm tội với vai trò thấp hơn, có ít tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hơn đồng thời có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn so với bị cáo Đ nên mức án của bị cáo P thấp hơn so với bị cáo Đ là phù hợp.

- Đối với tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có": Bị cáo N sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đang được cơ quan pháp luật cho tại ngoại, trong thời gian tại ngoại bị cáo không phạm tội nào khác, căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo cũng như thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta đối với gia đình người có công có người phạm tội. Ngoài ra bị cáo còn được trừ số ngày bị tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[5] Về hình phạt bổ sung:

- Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P khai trước khi phạm tội các bị cáo đều là công nhân, mức lương trung bình từ 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng/tháng, mặt khác tài liệu xác minh thể hiện các bị cáo không thuộc hộ nghèo, hộ chính sách ở địa P nên hội đồng xét xử xét thấy cần phạt bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước là có căn cứ.

- Theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự và khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự thì bị cáo Chu Hoài N còn có thể bị khấu trừ một phần thu nhập và phạt tiền. Tại phiên tòa bị cáo N khai làm lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng/tháng nên cần khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo là 10%/tháng để sung quỹ Nhà nước, cụ thể 10% x 5.000.000 đồng/tháng = 500.000 đồng/tháng. Do bị cáo đã bị khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[6] Về dân sự: Bị hại là bà Vũ Thị B, anh Lương Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ thể hiện đã được nhận lại tài sản đầy đủ, không có yêu cầu bồi thường nào khác; anh Đỗ Văn V đã nhận bồi thường 5.000.000 đồng, anh Bùi Văn L đã nhận bồi thường 4.000.000 đồng, anh Văn và anh L không có yêu cầu, đề nghị nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị H đã nhận lại xe, anh Nguyễn Hữu H1 đã nhận lại số tiền mua xe do Chu Hoài N cùng anh Trần Thế N1 bồi thường; bà Nguyễn Thị S1 không yêu cầu bị cáo Lê Minh Đ bồi thường số tiền bà đã bỏ ra bồi thường cho các bị hại thay cho bị cáo Đ và không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 áo khoác nỉ dài tay màu trắng đen của bị cáo P cho bị cáo Đ mượn mặc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo P không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh Đ 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/10/2022.

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị

cáo Vũ Văn P 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2022 đến ngày 17/11/2022.

Phạt bổ sung các bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P mỗi bị cáo 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Hoài N 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 29/10/2022 đến ngày 07/11/2022 (9 ngày), một ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh nhận được Quyết định thi hành án và bản án. Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo N là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)/tháng trong thời gian cải tạo để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Chu Hoài N cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Chu Hoài N theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 01/2023/QĐ-TA ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

Trong trường hợp bị cáo Chu Hoài N thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người chấp hành án cải tạo không giam giữ có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người chấp hành án cải tạo không giam giữ khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Uỷ ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Uỷ ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án cải tạo không giam giữ khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho

Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người chấp hành án cải tạo không giam giữ không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử: Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác nỉ dài tay màu trắng đen.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng*)

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Lê Minh Đ, Vũ Văn P, Chu Hoài N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***
- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Phòng PV06; PC10 Công an Hải Phòng
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Đ, TP B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Khúc Trọng Quang**

-UBND phường V, TP B;
- UBND phường V, TP B;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.